

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hiệp	Phó Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hữu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thanh Hiệp	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2023)
Ông Triệu Văn Năm	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2023)
Ông Trần Thanh Hữu	Phó Tổng Giám đốc	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

228.  
3 TY  
M HỮU  
À ĐỊNH  
NAM  
TP.

02  
ÔN  
CƠ  
1/13  
IỆ  
PH

**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

- Thiết kế và thực hiện hệ thống Kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**TM/Ban Tổng Giám đốc**  
**CỔ TÔNG GIÁM ĐỐC**

**CMISTONE**  
**VIỆT NAM**

**Triệu Văn Năm**

Số: 2803.01-24/BC-TC/VAE

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 9 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

**Các vấn đề phát sinh từ các năm trước ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay**

#### **Số dư đầu năm**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh hồi tố đối với số dư tại ngày 01/01/2023 (nếu có) và các ảnh hưởng của các điều chỉnh này đến số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty hay không.

#### *Nợ xấu và nợ phải thu khó đòi*

Tại ngày 31/12/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 29,09 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 46,50 tỷ VND). Việc trích lập dự phòng này dựa trên đánh giá chủ quan của Ban Tổng Giám đốc Công ty mà không có đầy đủ cơ sở đánh giá khả năng thu hồi phù hợp. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay ý kiến về các khoản phải thu và trả trước cho người bán này tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023 cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

#### *Giá trị của hàng tồn kho*

Tại thời điểm kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, và chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 với giá trị ghi sổ là 142,19 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 130,12 tỷ VND). Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ dựa trên ước tính chủ quan của mình về giá trị thuần có thể thực hiện và đã lập dự phòng 100% cho khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023 với cùng số tiền là 7,98 tỷ VND. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay ý kiến về khoản mục hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

#### *Giá trị của tài sản cố định*

Tại thời điểm kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, và chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2023 với nguyên giá là 125,96 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 125,96 tỷ VND). Chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ hồ sơ cho việc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2023 với nguyên giá là 9,98 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 9,98 tỷ VND). Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay ý kiến về khoản mục tài sản cố định tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

#### *Chi phí trả trước dài hạn*

Tại thời điểm kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về khoản chi phí trả trước dài hạn là Chi phí giải phóng mặt bằng tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An với giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2023 là 8,97 tỷ VND (Tại ngày 31/12/2022 là 9,93 tỷ VND). Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay ý kiến về khoản mục chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).



### Dự phòng nghĩa vụ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty con là Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam đang ghi nhận khoản vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với số tiền là 95,242 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 98,692 tỷ VND). Hiện tại, Công ty con đang bị NHNo&PTNT khởi kiện lên Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do chậm thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn. Tập đoàn chưa ghi nhận bất cứ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này vào Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, chúng tôi cũng không được cung cấp thông tin về tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay ý kiến về khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023, các khoản dự phòng nghĩa vụ phải trả và chi phí tương ứng có thể phát sinh từ vụ kiện, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

### Giả định hoạt động liên tục

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Tại ngày 31/12/2023, lỗ lũy kế của Tập đoàn là 254,34 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023: 244,24 tỷ VND). Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn gồm Công ty mẹ và công ty con tại ngày 31/12/2023 đang âm 90,28 tỷ VND (Tại ngày 01/01/2023 âm 80,19 tỷ VND). Nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn với số tiền tương ứng là 105,42 tỷ VND và 99,42 tỷ VND.
- Ngày 07/11/2022, Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng các biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 53516/CTHN-QLN ngày 07/11/2022 do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15,94 tỷ VND.
- Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, NHNo&PTNT đã khởi kiện Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/04/2018 với số dư tại ngày 31/12/2023 là 95,242 tỷ VND để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, các khoản vay đã đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên từ Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con), do đó Công ty sẽ phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện này.

Sự tồn tại của nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu nêu trên tạo ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và Công ty con.

### Thư xác nhận

Chúng tôi không thể thu thập được Thư xác nhận của các đối tác có liên quan đến một số số dư công nợ phải thu, phải trả và vay, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2023	Số dư tại ngày 01/01/2023
<b>Các khoản phải thu</b>			
1	Phải thu khách hàng ngắn hạn	8.778.360.786	14.350.118.744
2	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.211.000.000	2.406.000.000

STT	Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2023	Số dư tại ngày 01/01/2023
3	Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.008.077.624	12.837.855.508
<b>Các khoản phải thu (tiếp theo)</b>			
4	Phải thu ngắn hạn khác	13.336.625.894	13.367.528.416
5	Phải thu khách hàng dài hạn	-	723.287.361
6	Phải thu dài hạn khác	1.512.959.872	9.112.634.552
<b>Các khoản phải trả và vay</b>			
1	Phải trả người bán ngắn hạn	21.025.007.891	16.909.673.506
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.117.329.950	6.434.464.508
3	Chi phí phải trả ngắn hạn	87.368.701.150	77.479.792.108
4	Phải trả ngắn hạn khác	6.535.568.093	6.546.769.125
5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	119.229.073.893	114.630.073.893
6	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	64.762.885.957	68.212.885.957

Chúng tôi không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết về tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các số dư này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 về các khoản mục Phải thu khách hàng, phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán, phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn khác, Vay và nợ thuê tài chính, lỗ lũy kế và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023.

#### **Các vấn đề phát sinh năm nay**

Trong năm 2023, Công ty mẹ đã hạch toán thu hồi bằng tiền mặt khoản phải thu khách hàng/phải thu khác từ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkring và Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn với tổng số tiền là 17,41 tỷ VND đồng thời hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi tương ứng với số tiền nêu trên. Ngoài ra, Công ty cũng bù trừ số tiền phải thu Công ty con với gốc vay phải trả Công ty con với số tiền là 3,45 tỷ VND. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay ý kiến về các khoản mục có liên quan đến các giao dịch này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

#### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 03 năm 2023.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**Công ty TNHH Kiểm toán và  
Định giá Việt Nam  
Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Quang Trung**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1938-2023-034-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Hồng Nhật**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4399-2023-034-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>151.993.940.622</b>	<b>137.716.729.961</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	941.896.851	84.278.566
111	1. Tiền		941.896.851	84.278.566
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.065.570.495	5.868.007.698
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	8.778.360.786	14.350.118.744
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	12.008.077.624	12.837.855.508
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2.211.000.000	2.406.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	13.336.625.894	13.367.528.416
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(31.268.493.809)	(37.093.494.970)
140	IV. Hàng tồn kho	9	134.214.644.032	122.144.843.628
141	1. Hàng tồn kho		142.194.114.637	130.124.314.233
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.979.470.605)	(7.979.470.605)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.771.829.244	9.619.600.069
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		11.771.829.244	9.619.600.069
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>79.904.179.283</b>	<b>87.450.270.717</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	4	-	723.287.361
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.512.959.872	9.112.634.552
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1.512.959.872)	(9.835.921.913)
220	II. Tài sản cố định		70.930.338.459	77.520.636.197
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	65.638.046.770	71.579.892.540
222	- Nguyên giá		125.957.672.439	125.957.672.439
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.319.625.669)	(54.377.779.899)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.292.291.689	5.940.743.657
228	- Nguyên giá		9.975.000.000	9.975.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.682.708.311)	(4.034.256.343)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.973.840.824	9.929.634.520
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.973.840.824	9.929.634.520
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>231.898.119.905</b>	<b>225.167.000.678</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>322.176.976.486</b>	<b>305.352.068.649</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>257.414.090.529</b>	<b>237.139.182.692</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	21.025.007.891	16.909.673.506
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	8.117.329.950	6.434.464.508
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	15.136.857.552	15.136.857.552
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	87.368.701.150	77.479.792.108
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.535.568.093	6.546.769.125
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	119.229.073.893	114.630.073.893
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.552.000	1.552.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>64.762.885.957</b>	<b>68.212.885.957</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	64.762.885.957	68.212.885.957
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(90.278.856.581)</b>	<b>(80.185.067.971)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>(90.278.856.581)</b>	<b>(80.185.067.971)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		160.000.000.000	160.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.000.000.000	160.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.167.767.978	3.167.767.978
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		891.344.168	891.344.168
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(254.337.968.727)	(244.244.180.117)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(244.244.180.117)	(274.422.875.026)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(10.093.788.610)	30.178.694.909
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>231.898.119.905</b>	<b>225.167.000.678</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền

Trần Thị Hiền

Triệu Văn Năm

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023		Năm 2022	
			VND	VND		
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	14.557.982.931	27.185.381.978		
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.557.982.931	27.185.381.978		
11	3. Giá vốn hàng bán	21	(20.310.310.350)	(32.278.367.735)		
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(5.752.327.419)	(5.092.985.757)		
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	39.496.608	66.868.144		
22	6. Chi phí tài chính	23	(10.115.828.983)	(10.366.256.857)		
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(9.888.909.042)	(9.914.632.329)		
25	7. Chi phí bán hàng	24	(630.690.530)	(2.004.957.892)		
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13.447.702.689	56.003.263.030		
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.011.647.635)	38.605.930.668		
31	10. Thu nhập khác		315.642.861	3.351.736		
32	11. Chi phí khác	26	(7.397.783.836)	(8.349.311.798)		
40	12. Lợi nhuận khác		(7.082.140.975)	(8.345.960.062)		
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(10.093.788.610)	30.259.970.606		
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	(81.275.667)		
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(10.093.788.610)	30.178.694.939		
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	(631)	1.886		

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Triệu Văn Năm

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(10.093.788.610)</b>	<b>30.259.970.606</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	6.590.297.738	5.969.866.400
03	- Các khoản dự phòng	(14.147.963.202)	(56.687.711.162)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.531.121	-
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(356.444)	(441.401)
06	- Chi phí lãi vay	9.888.909.042	9.914.632.329
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(7.759.370.355)</b>	<b>(10.543.683.228)</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	12.603.171.230	43.015.850.231
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(12.069.800.404)	(39.346.215.772)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	5.786.998.795	11.200.484.961
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	955.793.696	992.514.975
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	(33.787.919)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(441.275.667)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(483.207.038)</b>	<b>4.843.887.581</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(195.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	195.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	356.444	441.401
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>195.356.444</b>	<b>(194.558.599)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu đi vay	4.799.000.000	2.008.978.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(3.650.000.000)	(6.947.224.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>1.149.000.000</b>	<b>(4.938.246.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>861.149.406</b>	<b>(288.917.018)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		84.278.566	373.195.584
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.531.121)	-
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	941.896.851	84.278.566

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Triệu Văn Năm

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019 thì Vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng), tương đương 16.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là CMI.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác, sản xuất và kinh doanh thương mại các loại đá.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc Tập đoàn

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Công ty con duy nhất là Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam có trụ sở chính tại số 25, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất, thương mại. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.



Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty tại Yên Bái	Thôn Chấn Hưng, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Văn phòng Công ty tại Quảng Ngãi	Thôn Huy Mãng, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

### Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại 31/12/2023 là 31 người (tại 31/12/2022: 17 người).

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

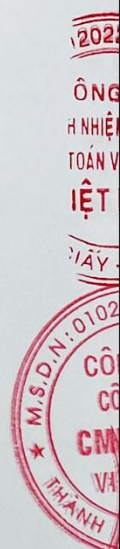
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



**Mẫu số B09-DN/HN**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

#### *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

#### **2.4 . Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2023, lỗ lũy kế của Tập đoàn là 254,34 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023: 244,24 tỷ VND). Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn gồm Công ty mẹ và công ty con tại ngày 31/12/2023 đang âm 90,28 tỷ VND (Tại ngày 01/01/2023 âm 80,19 tỷ VND). Nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn với số tiền tương ứng là 105,42 tỷ VND và 99,42 tỷ VND.

Từ năm 2018, Công ty mẹ đã chuyển giao toàn bộ Nhà máy chế biến đá nhân tạo cho công ty con là Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam thuê, quy mô hoạt động của Công ty bị thu hẹp lại, không phát sinh chi phí tiền lương cho bộ máy quản lý của Công ty mẹ.

Ngày 07/11/2022, Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng các biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 53516/CTHN-QLN ngày 07/11/2022 do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15,94 tỷ VND.



Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, NHNo&PTNT đã khởi kiện Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/04/2018 với số dư tại ngày 31/12/2023 là 95,242 tỷ VND để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, các khoản vay đã đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên từ Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con), do đó Công ty sẽ phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện này.

Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Tập đoàn đang tập trung xây dựng các phương án kinh doanh để Tập đoàn có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

Vi vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ cần thiết trong trường hợp Tập đoàn không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như đã nêu ở trên.

## **2.5 . Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **2.6 . Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.7 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.8 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**Mẫu số B09-DN/HN**

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **2.9 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền khai thác mỏ đá. Công ty khấu hao Quyền khai thác mỏ đá theo thời gian ước tính khai thác là 30 năm.

### 2.11 . Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.12 . Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là chi phí giải phóng mặt bằng dự án Nghĩa Đàn tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

### 2.13 . Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

### 2.14 . Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### 2.15 . Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.16 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

## 2.17 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***a) Chi phí thuế TNDN hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

***b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành***

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

**Mẫu số B09-DN/HN**

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.22 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, Công ty mẹ không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, công ty con chỉ hoạt động sản xuất và thương mại các loại đá ở địa bàn tỉnh Nghệ An nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	318.150.014	7.374.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	623.746.837	76.904.224
<b>Cộng</b>	<b>941.896.851</b>	<b>84.278.566</b>

## 4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.778.360.786</b>	<b>(4.656.451.212)</b>	<b>14.350.118.744</b>	<b>(10.481.452.373)</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	630.984	(623.734)	5.147.630.984	(5.147.623.734)
Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Toàn Cầu	3.145.351.660	(3.145.351.660)	3.145.351.660	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkring	-	-	2.610.148.029	(2.610.148.029)
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	1.965.806.660	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Nghệ An	-	-	1.333.166.392	(1.333.166.392)
Các khách hàng khác	3.666.571.482	(1.510.475.818)	2.113.821.679	(1.390.514.218)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	<b>723.287.361</b>	<b>(723.287.361)</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	-	-	723.287.361	(723.287.361)
	<b>8.778.360.786</b>	<b>(4.656.451.212)</b>	<b>15.073.406.105</b>	<b>(11.204.739.734)</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>186.121.826</b>	<b>(186.121.826)</b>	<b>186.121.826</b>	<b>(186.121.826)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	(7.184.798.559)	7.184.798.559	(7.184.798.559)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	2.025.667.720	(2.025.667.720)	2.025.667.720	(2.025.667.720)
Các đối tượng khác	2.797.611.345	(1.855.423.924)	3.627.389.229	(1.855.423.924)
	<b>12.008.077.624</b>	<b>(11.065.890.203)</b>	<b>12.837.855.508</b>	<b>(11.065.890.203)</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>9.210.466.279</b>	<b>(9.210.466.279)</b>	<b>9.210.466.279</b>	<b>(9.210.466.279)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long (* )	2.211.000.000	(2.211.000.000)	2.211.000.000	(2.211.000.000)
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam (**)	-	-	195.000.000	-
	<b>2.211.000.000</b>	<b>(2.211.000.000)</b>	<b>2.406.000.000</b>	<b>(2.211.000.000)</b>
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>2.211.000.000</b>	<b>(2.211.000.000)</b>	<b>2.211.000.000</b>	<b>(2.211.000.000)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)

(\* ) Khoản cho vay không có lãi suất. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100%.

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	65.600.000	(65.600.000)	65.600.000	(65.600.000)
Tạm ứng	252.736.824	(252.736.824)	252.736.824	(252.736.824)
Phải thu khác	13.018.289.070	(13.016.815.570)	-	(13.016.815.570)
- Các đối tượng khác	13.018.289.070	(13.016.815.570)	13.049.191.592	(13.016.815.570)
	<b>13.336.625.894</b>	<b>(13.335.152.394)</b>	<b>13.367.528.416</b>	<b>(13.335.152.394)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.512.959.872	(1.512.959.872)	1.512.959.872	(1.512.959.872)
Phải thu khác	-	-	7.599.674.680	(7.599.674.680)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn (*)	-	-	7.599.674.680	(7.599.674.680)
	<b>1.512.959.872</b>	<b>(1.512.959.872)</b>	<b>9.112.634.552</b>	<b>(9.112.634.552)</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>9.219.943.624</b>	<b>(9.219.943.624)</b>	<b>16.819.618.304</b>	<b>(16.819.618.304)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)

(\*) Căn cứ vào Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CMI-2014 ngày 01/11/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn, Công ty dự kiến góp vốn 25 tỷ VND để cùng đầu tư xây dựng, lắp đặt, khai thác trạm tuyến chế biến Mỏ quặng sắt tại thôn Làng Hồ, xã Hướng Sơn, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Thời gian hợp đồng từ ngày 01/11/2014 đến khi hết hiệu lực của giấy phép khai thác mỏ. Công ty được hưởng 85% lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Thực tế, Công ty đã góp 16.389.674.680 VND bằng quyền đòi nợ các đối tác và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cavio Lào. Đến ngày 31/12/2016 và cho đến nay, Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn vẫn chưa được cấp gia hạn giấy phép khai thác mỏ. Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam vẫn chưa nộp đủ số vốn tối thiểu theo Hợp đồng. Số tiền chưa góp đủ là 8.610.325.320 VND.



	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>33.725.121.852</b>	<b>943.668.171</b>	<b>51.999.078.720</b>	<b>5.069.661.837</b>
<i>Phải thu khách hàng</i>	<b>4.656.458.462</b>	<b>7.250</b>	<b>14.470.060.244</b>	<b>3.265.320.510</b>
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	630.984	7.250	5.147.630.984	7.250
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkring	-	-	3.333.435.390	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Toàn Cầu	3.145.351.660	-	3.145.351.660	3.145.351.660
- Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Nghệ An	-	-	1.333.166.392	-
- Các khách hàng khác	1.510.475.818	-	1.510.475.818	119.961.600
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>2.211.000.000</b>	-	<b>2.211.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000	-	2.211.000.000	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>12.008.077.624</b>	<b>942.187.421</b>	<b>12.837.855.508</b>	<b>1.771.965.305</b>
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	-	7.184.798.559	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	2.025.667.720	-	2.025.667.720	-
- Các đối tượng khác	2.797.611.345	942.187.421	3.627.389.229	1.771.965.305
<b>Phải thu khác</b>	<b>14.849.585.766</b>	<b>1.473.500</b>	<b>22.480.162.968</b>	<b>32.376.022</b>
- Ký quỹ, ký cược	1.578.559.872	-	1.578.559.872	-
- Tạm ứng	252.736.824	-	252.736.824	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	-	-	7.599.674.680	-
- Phải thu khác	13.018.289.070	1.473.500	13.049.191.592	32.376.022
	<b>33.725.121.852</b>	<b>943.668.171</b>	<b>51.999.078.720</b>	<b>5.069.661.837</b>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	56.468.256.425	-	41.200.539.951	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.979.470.605	(7.979.470.605)	7.979.470.605	(7.979.470.605)
Thành phẩm	62.968.290.634	-	66.166.206.704	-
Hàng hóa	5.560.426.600	-	5.560.426.600	-
Hàng gửi đi bán	9.217.670.373	-	9.217.670.373	-
	<b>142.194.114.637</b>	<b>(7.977.997.105)</b>	<b>130.124.314.233</b>	<b>(7.947.094.583)</b>

**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**  
Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	35.147.320.844	83.085.005.125	3.319.147.521	4.406.198.949	125.957.672.439
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.147.320.844</b>	<b>83.085.005.125</b>	<b>3.319.147.521</b>	<b>4.406.198.949</b>	<b>125.957.672.439</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	10.037.590.991	40.538.556.022	2.456.478.718	1.345.154.168	54.377.779.899
- Khấu hao trong năm	1.471.907.921	3.999.190.561	279.361.892	191.385.396	5.941.845.770
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.509.498.912</b>	<b>44.537.746.583</b>	<b>2.735.840.610</b>	<b>1.536.539.564</b>	<b>60.319.625.669</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	25.109.729.853	42.546.449.103	862.668.803	3.061.044.781	71.579.892.540
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>23.637.821.932</b>	<b>38.547.258.542</b>	<b>583.306.911</b>	<b>2.869.659.385</b>	<b>65.638.046.770</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 65.638.046.770 VND.  
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 18.007.151.165 VND.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Mẫu số B09-DN/HN

Tài sản cố định vô hình là quyền khai thác mỏ tại huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 9.975.000.000 VND và 4.682.708.311 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 5.292.291.689 VND.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	8.973.840.824	9.929.634.520
	<b><u>8.973.840.824</u></b>	<b><u>9.929.634.520</u></b>

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	86.525.393.974	76.636.484.932
Các khoản trích trước khác	843.307.176	843.307.176
	<b><u>87.368.701.150</u></b>	<b><u>77.479.792.108</u></b>

**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**14 . VAY**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i)	49.835.587.249	49.835.587.249	4.799.000.000	200.000.000	54.434.587.249	54.434.587.249
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (ii)	3.372.550.746	3.372.550.746	-	-	3.372.550.746	3.372.550.746
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát (iii)	31.624.861.246	31.624.861.246	987.000.000	-	32.611.861.246	32.611.861.246
- Vay cá nhân (iv)	214.361.000	214.361.000	3.812.000.000	200.000.000	3.826.361.000	3.826.361.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	64.794.486.644	64.794.486.644	-	-	64.794.486.644	64.794.486.644
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	14.590.486.644	14.590.486.644	-	-	14.590.486.644	14.590.486.644
	50.204.000.000	50.204.000.000	-	-	50.204.000.000	50.204.000.000
	<b>114.630.073.893</b>	<b>114.630.073.893</b>	<b>4.799.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>119.229.073.893</b>	<b>119.229.073.893</b>



**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**b) Vay dài hạn**

	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (v)	33.897.372.601	33.897.372.601	-	33.897.372.601
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (vi)	99.110.000.000	99.110.000.000	-	3.450.000.000
	<b>133.007.372.601</b>	<b>133.007.372.601</b>	<b>-</b>	<b>3.450.000.000</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(64.794.486.644)	(64.794.486.644)	-	(64.794.486.644)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>68.212.885.957</b>	<b>68.212.885.957</b>		<b>64.762.885.957</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng số 1450LV201600205 ký ngày 14/04/2016 với hạn mức tín dụng là 23.500.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản bảo đảm được thực hiện theo các hợp đồng thế chấp: 1450-LCP-201100081; 1450-LCP-201300246; 1450-CLP201500291.
- (ii) Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-21062010/HTĐT-CVCISM-TAS ký ngày 21/06/2010 và phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 21/02/2011. Mục đích: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An góp tiền cho Công ty CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp (nay là Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam) để Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam làm đại diện sử dụng số tiền góp này để đầu tư chứng khoán. Lãi suất phải trả năm 2012 là 21,6%/năm. Thời hạn hợp đồng đến ngày 26/07/2011. Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, do đó gốc và lãi phải trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An không thực hiện đối chiếu được.



- (iii) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát không tính lãi vay, không có tài sản bảo đảm.
- (iv) Vay cá nhân không có tài sản bảo đảm, không tính lãi.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (v) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các Hợp đồng tín dụng:
  - Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV201500035 ký ngày 22/01/2015 với hạn mức 3,15 tỷ VND. Thời gian hiệu lực là 48 tháng. Mục đích của khoản vay để mua 01 máy xúc lật và 06 xe ô tô Dongfeng. Lãi suất tại ngày vay là 10,5%/năm, lãi suất thả nổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản bảo đảm là 01 máy xúc lật và 06 xe ô tô Dongfeng.
  - Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV201100330 ký ngày 15/09/2011 với hạn mức 5 tỷ VND. Thời gian hiệu lực là 60 tháng. Mục đích vay là để mua máy móc thiết bị. Lãi suất là lãi suất thả nổi. Tài sản bảo đảm là quyền đầu tư khai thác mỏ tại Yên Bái.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201500144 ký ngày 13/04/2015. Thời gian hiệu lực là 96 tháng. Mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghệ An. Lãi suất tại ngày vay là 11%/năm, lãi suất biến đổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam.

**c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay	183.991.959.850	86.525.393.974	182.842.959.850	76.636.484.932
	<b>183.991.959.850</b>	<b>86.525.393.974</b>	<b>182.842.959.850</b>	<b>76.636.484.932</b>



15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Guangzhou Honesty Trading Co.,Ltd	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	13.270.811.132	13.270.811.132	9.730.989.217	9.730.989.217
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp Đông Nam	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410
Các đối tượng khác	4.328.755.349	4.328.755.349	3.753.242.879	3.753.242.879
	<b>21.025.007.891</b>	<b>21.025.007.891</b>	<b>16.909.673.506</b>	<b>16.909.673.506</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả bán là các bên liên quan</b>	<b>13.270.858.610</b>	<b>13.270.858.610</b>	<b>9.896.500.695</b>	<b>9.896.500.695</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)</i>				

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	5.750.000.000	5.750.000.000
Các khách hàng khác	2.367.329.950	684.464.508
	<b>8.117.329.950</b>	<b>6.434.464.508</b>

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.047.286.785	2.047.286.785	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.919.437.961	-	-	1.919.437.961
Thuế thu nhập cá nhân	402.861.685	-	-	402.861.685
Thuế tài nguyên	1.729.417.939	-	-	1.729.417.939
Các loại thuế khác	616.979.082	-	-	616.979.082
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.468.160.885	3.000.000	3.000.000	10.468.160.885
	<b>15.136.857.552</b>	<b>2.050.286.785</b>	<b>2.050.286.785</b>	<b>15.136.857.552</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan

18 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠNH KHÁC

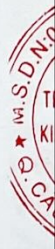
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác chi tiết theo đối tượng có số dư lớn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.729.404.675	1.729.404.675
Kinh phí công đoàn	121.656.904	121.656.904
Bảo hiểm xã hội	2.955.115.009	2.955.115.009
Bảo hiểm y tế	90.910.190	90.910.190
Bảo hiểm thất nghiệp	7.385.832	7.385.832
Phải trả về cổ phần hóa	123.002.409	123.002.409
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.508.093.074	1.519.294.106
<b>Cộng</b>	<b>6.535.568.093</b>	<b>6.546.769.125</b>
	<b>47.478</b>	<b>47.478</b>

b) Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh 32*)

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(274.422.875.056)	(110.363.762.910)
Lãi trong năm trước	-	-	-	30.178.694.939	30.178.694.939
Số dư cuối năm trước	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(244.244.180.117)	(80.185.067.971)
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(244.244.180.117)	(80.185.067.971)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(10.093.788.610)	(10.093.788.610)
Số dư cuối năm nay	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(254.337.968.727)	(90.278.856.581)





Mẫu số B09-DN/HN

	b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	160.000.000.000	160.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>160.000.000.000</u>	<u>160.000.000.000</u>
c) Cổ phiếu		
	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	16.000.000	16.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		
d) Các quỹ của Công ty		
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	891.344.168	891.344.168
	<u>891.344.168</u>	<u>891.344.168</u>
<b>20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	14.557.982.931	27.185.381.978
	<u>14.557.982.931</u>	<u>27.185.381.978</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<u>2.282.202.600</u>	<u>81.185.000</u>
<b>21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	20.310.310.350	32.278.367.735
	<u>20.310.310.350</u>	<u>32.278.367.735</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)	<u>3.190.400.000</u>	<u>9.155.400.836</u>

Mẫu số B09-DN/HN

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	356.444	441.401
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	39.140.164	66.426.743
	<b>39.496.608</b>	<b>66.868.144</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.888.909.042	9.914.632.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	223.388.820	451.624.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.531.121	-
	<b>10.115.828.983</b>	<b>10.366.256.857</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	630.690.530	1.987.621.225
Chi phí khác bằng tiền	-	17.336.667
	<b>630.690.530</b>	<b>2.004.957.892</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	4.545.742
Chi phí nhân công	538.190.916	544.288.224
Thuế, phí và lệ phí	31.900.507	67.122.554
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(14.147.963.202)	(56.687.711.162)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.169.090	60.386.730
Chi phí khác bằng tiền	-	8.104.882
	<b>(13.447.702.689)</b>	<b>(56.003.263.030)</b>

Mẫu số B09-DN/HN

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí khấu hao, phân bổ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	7.387.185.790	8.003.243.284
Các khoản khác	10.598.046	346.068.514
	<b>7.397.783.836</b>	<b>8.349.311.798</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	342.355.592	38.916.908.410
Các khoản điều chỉnh tăng	7.387.185.790	8.003.243.284
- Chi phí không được trừ	7.387.185.790	8.003.243.284
Thu nhập tính thuế TNDN	7.729.541.382	46.920.151.694
Lỗi năm trước chuyển sang	(7.729.541.382)	(46.920.151.694)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(7.170.830.942)	(8.738.213.501)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	346.068.514
- Chi phí không được trừ	-	346.068.514
Thu nhập tính thuế TNDN	(7.170.830.942)	(8.392.144.987)
Lỗi năm trước chuyển sang	7.170.830.942	8.392.144.987
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	-	81.275.667
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>81.275.667</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(10.093.788.610)	30.178.694.939
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(10.093.788.610)	30.178.694.939
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.000.000	16.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(631)</b>	<b>1.886</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.805.831.570	16.983.092.472
Chi phí nhân công	3.510.918.880	2.931.520.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.905.644	158.905.647
Chi phí dự phòng	(14.147.963.202)	(56.687.711.162)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.935.788.722	5.530.893.043
Chi phí khác bằng tiền	31.900.507	134.894.513
	<b>4.295.382.121</b>	<b>(30.948.405.475)</b>

30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.799.000.000	2.008.978.000

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.650.000.000	6.947.224.000

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Thanh Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
(Miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 30/10/2023)	
- Ông Triệu Văn Năm	Tổng Giám đốc
(Bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 30/10/2023)	
- Ông Trần Thanh Hữu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mẫu số B09-DN/HH</b> <b>Mối quan hệ</b>
- Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	Công ty con
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	Ông Nguyễn Hữu Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn	Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn
- Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	Ông Trần Thanh Hữu - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Hoàn ứng</b>	-	<b>379.346.700</b>
- Ông Trần Thanh Hiệp	-	379.346.700
<b>Tạm ứng</b>	-	<b>506.828.200</b>
- Ông Trần Thanh Hiệp	-	506.828.200
<b>Mua hàng</b>	<b>3.190.400.000</b>	<b>9.155.400.836</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	3.190.400.000	9.155.400.836
<b>Bán hàng</b>	<b>2.282.202.600</b>	<b>81.185.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	2.282.202.600	81.185.000

	<b>Mẫu số B09-DN/HN</b>	
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Đi vay</b>	<b>4.799.000.000</b>	<b>1.722.978.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	987.000.000	1.484.978.000
- Ông Trần Thanh Hiệp	3.812.000.000	238.000.000
<b>Trả gốc vay</b>	<b>200.000.000</b>	<b>5.400.224.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	-	5.171.000.000
- Ông Trần Thanh Hiệp	200.000.000	226.704.000
- Ông Trần Thanh Hữu	-	2.520.000
<b>Cho vay</b>	-	<b>195.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	-	195.000.000
<b>Thu hồi gốc cho vay</b>	<b>195.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	195.000.000	-
<b>Thu hồi ứng trước tiền hàng</b>	-	<b>28.756.686.100</b>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	-	28.756.686.100
<b>Thu hồi công nợ khác</b>	<b>7.599.674.680</b>	<b>12.052.249.836</b>
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	7.599.674.680	12.052.249.836
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>186.121.826</b>	<b>186.121.826</b>
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	53.093.352	53.093.352
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	88.102.342	88.102.342
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	44.926.132	44.926.132
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>9.210.466.279</b>	<b>9.210.466.279</b>
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	7.184.798.559
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>2.211.000.000</b>	<b>2.406.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	2.211.000.000	2.211.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	-	195.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>9.219.943.624</b>	<b>16.819.618.304</b>
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	-	7.599.674.680
- Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	971.106.250	971.106.250

	<b>Mẫu số B09-DN/HN</b>	
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	8.123.395.577
- Ông Triệu Văn Năm	406.500	406.500
- Ông Trần Thanh Hữu	90.942.260	90.942.260
- Ông Trần Thanh Hiệp	34.093.037	34.093.037
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		<b>50.441.645</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	-	50.441.645
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>13.270.858.610</b>	<b>9.896.500.695</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	13.270.811.132	9.730.989.217
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	-	165.464.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>47.478</b>	<b>47.478</b>
- Ông Triệu Văn Năm	47.478	47.478
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>36.423.861.246</b>	<b>31.824.861.246</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	32.611.861.246	31.624.861.246
- Ông Trần Thanh Hiệp	3.812.000.000	200.000.000

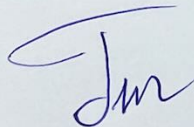
**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc không nhận lương, thù lao.

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế kiểm toán.

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Triệu Văn Năm